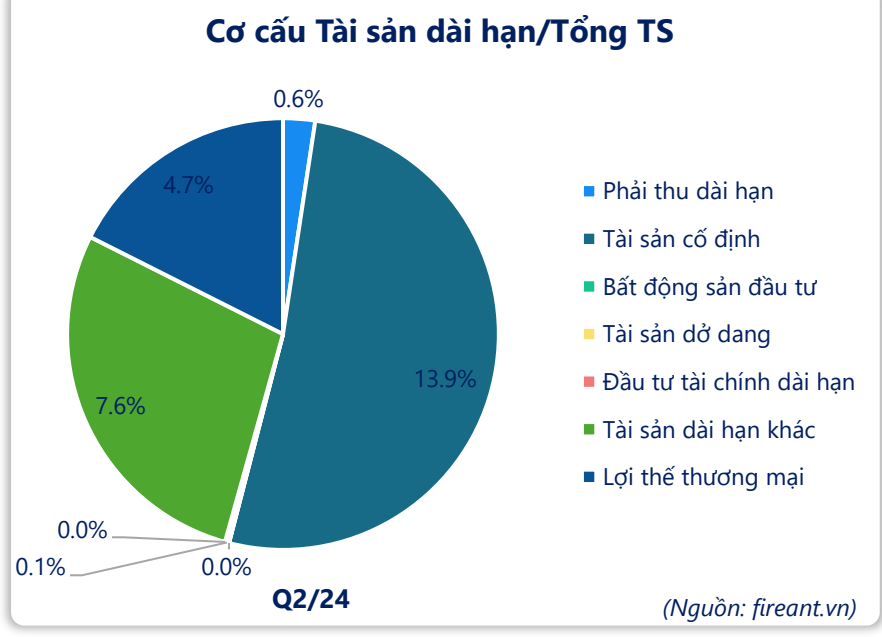
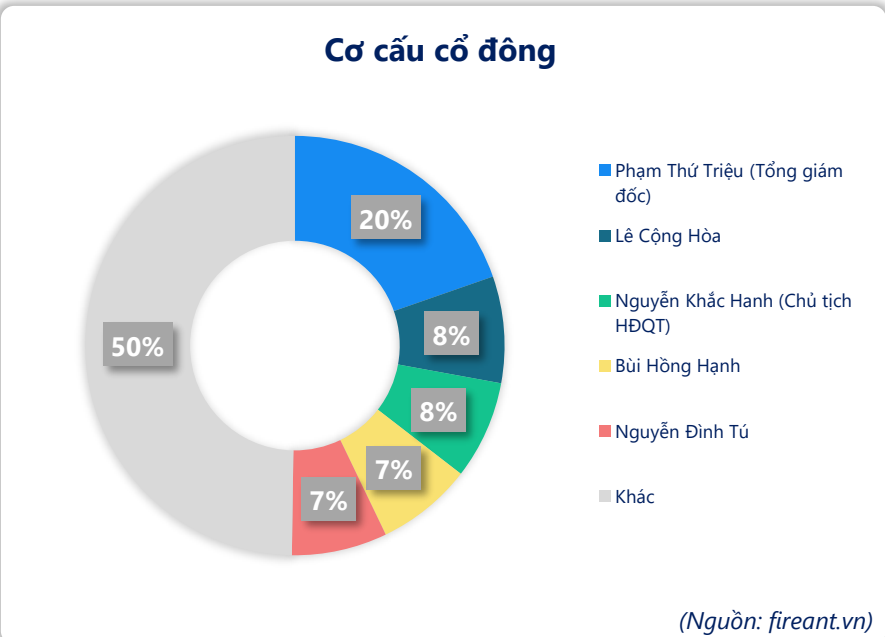
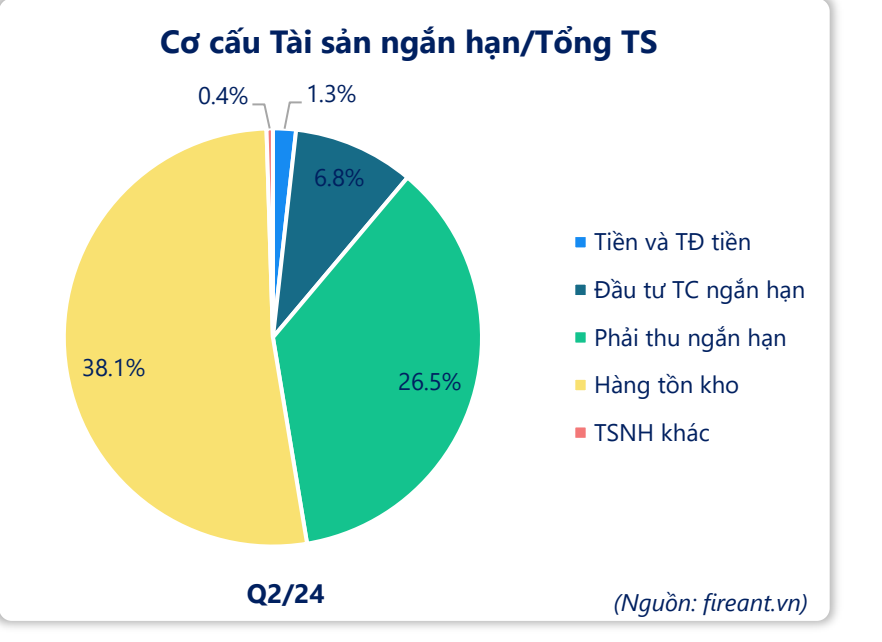
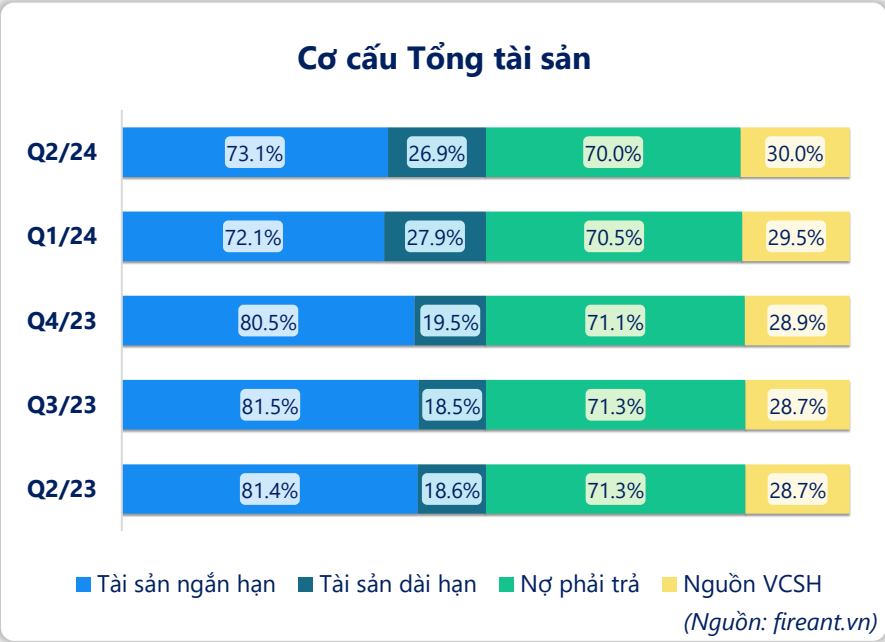
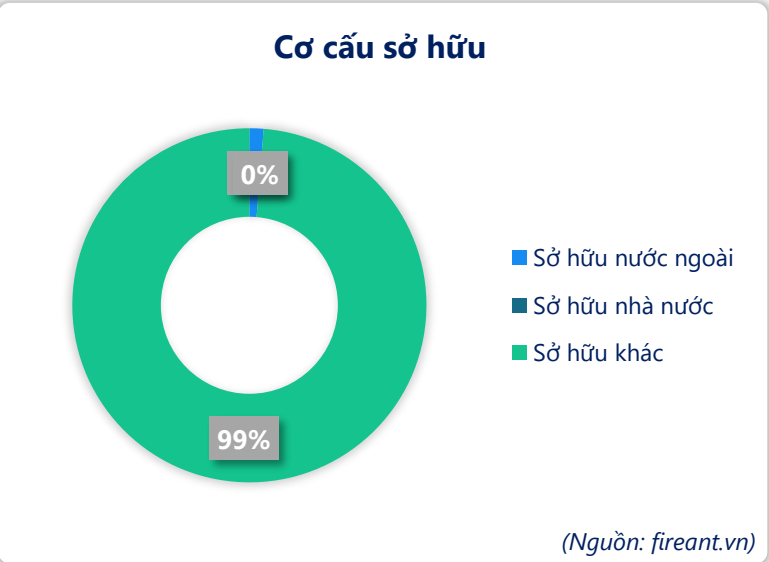
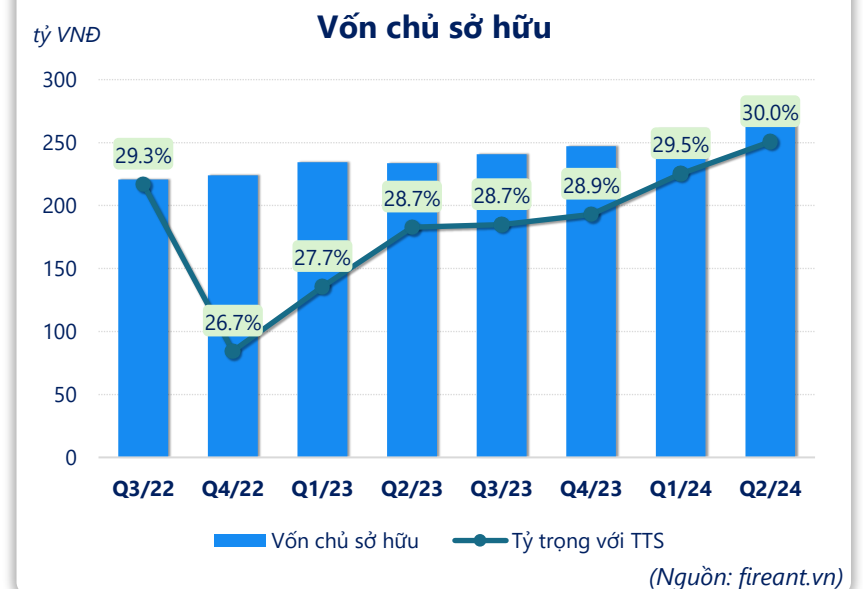
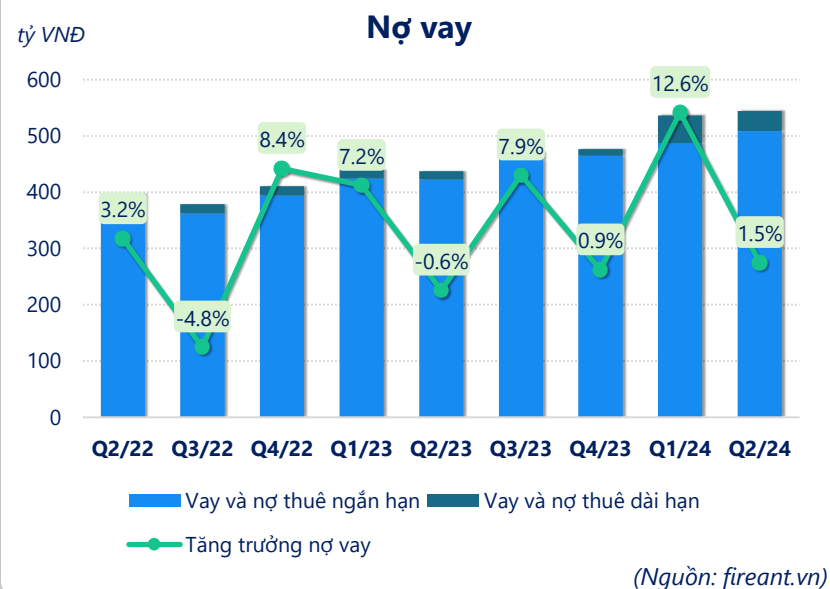
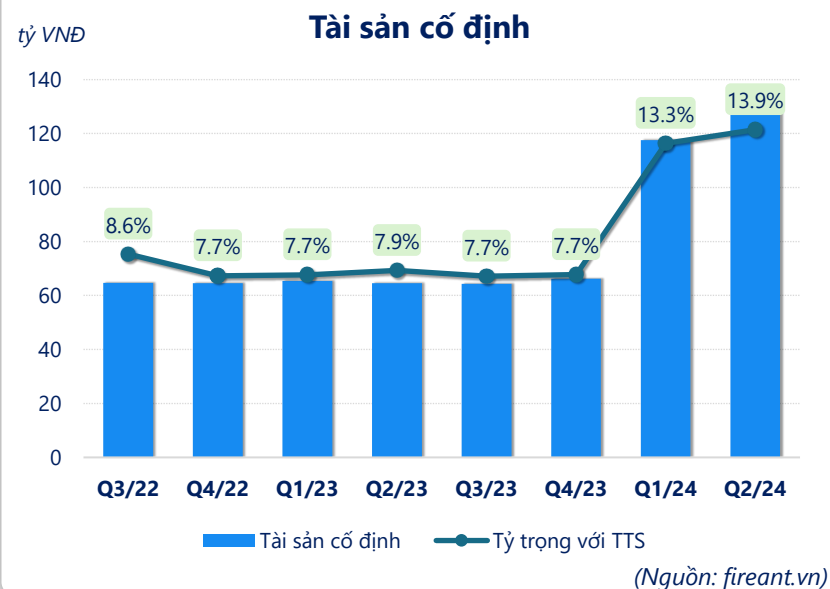
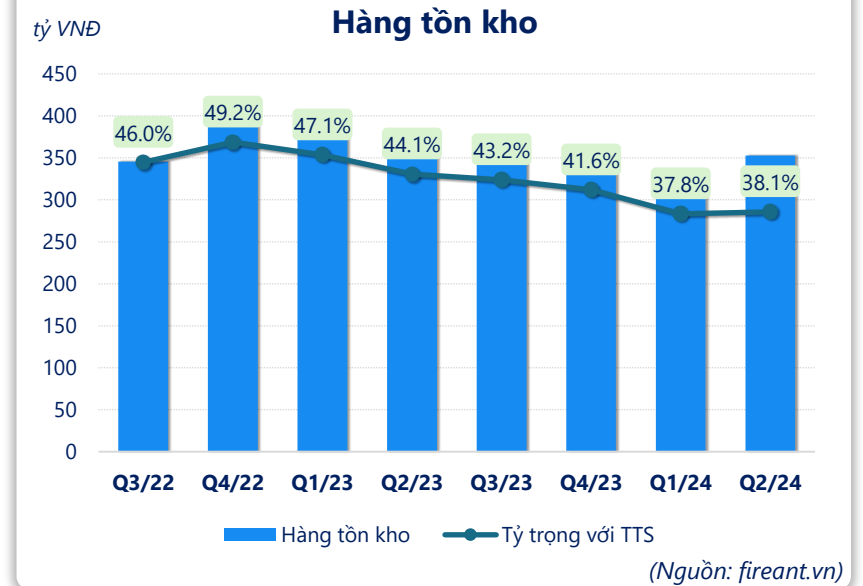
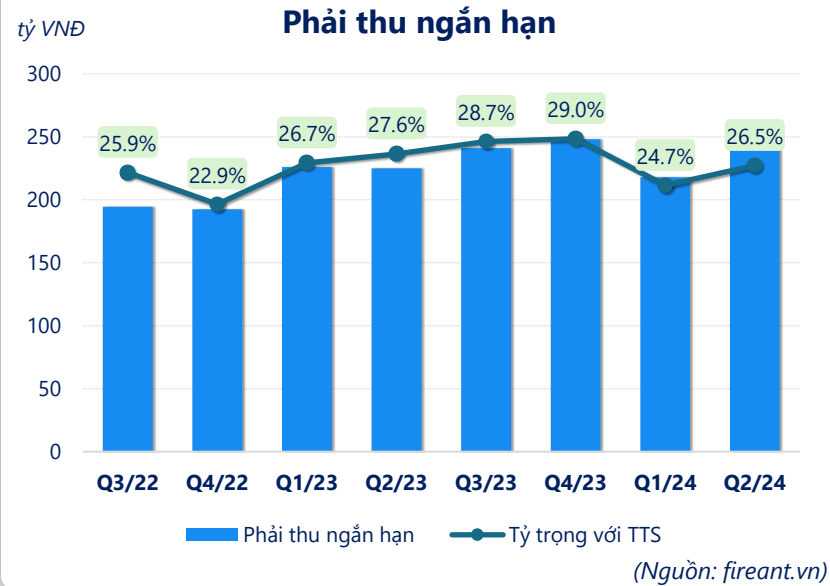
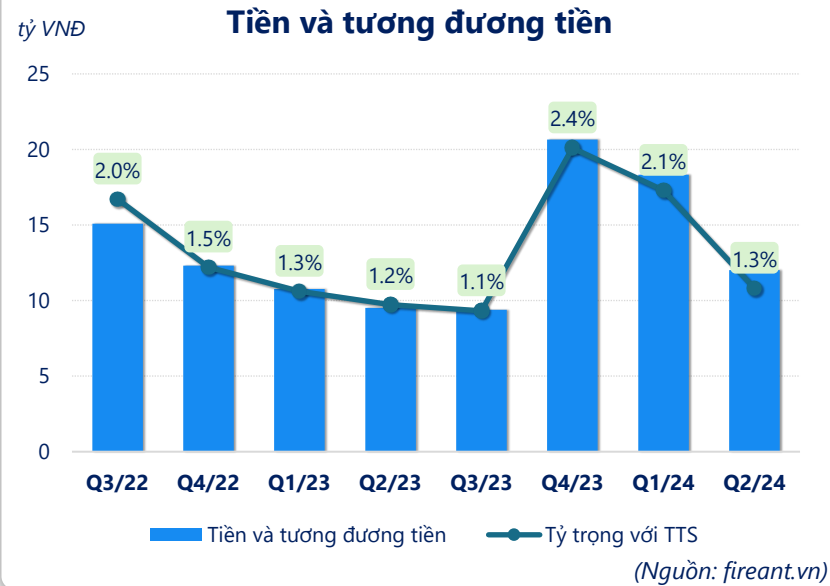
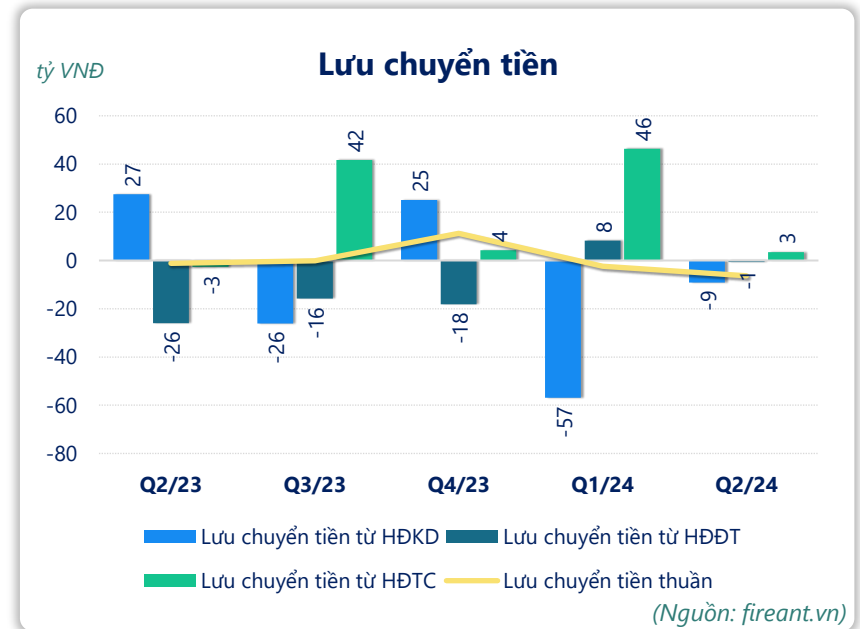
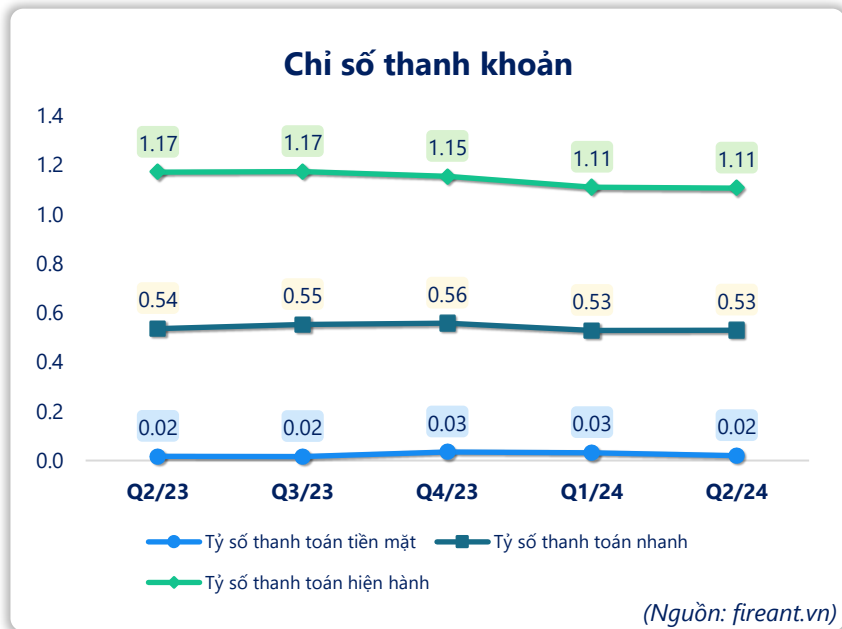
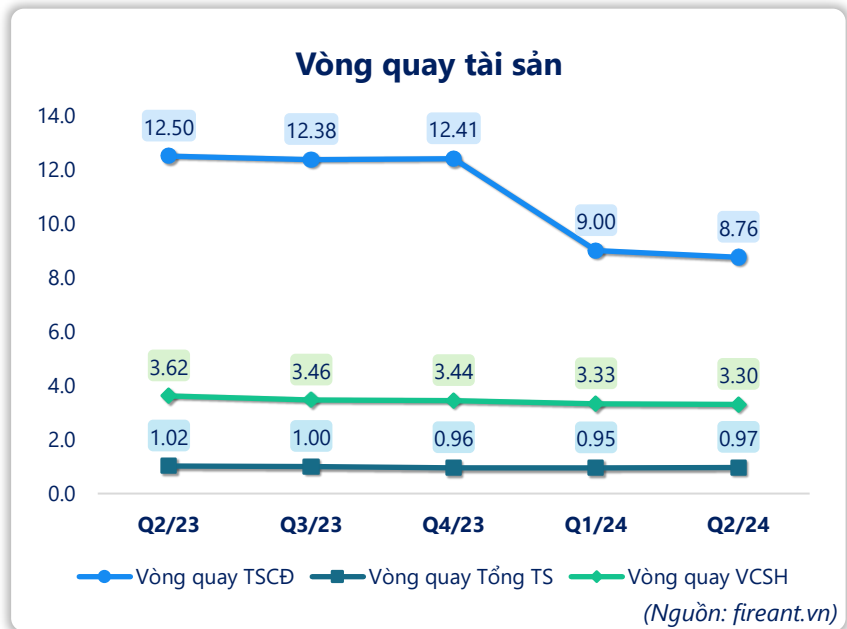
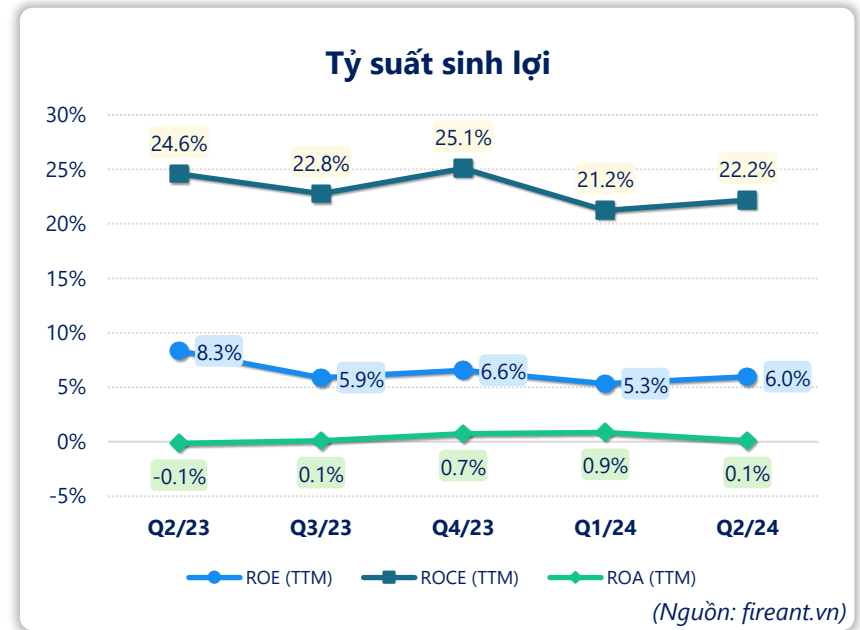
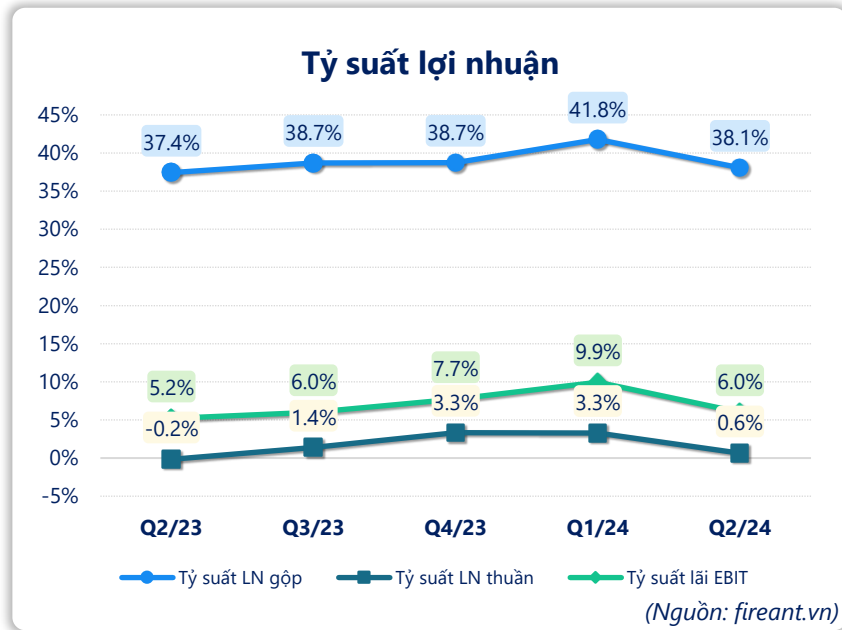
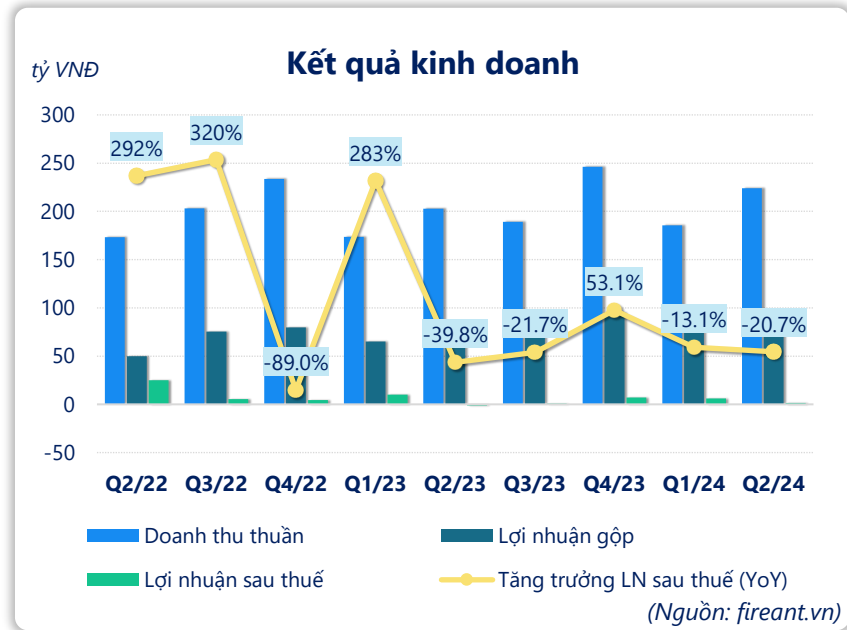


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		13,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,632
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,912
SL cổ phiếu LH		16,325,477
KLGD BQ 20 phiên (CP)		18,885
% sở hữu nước ngoài		1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		213
P/E		14.0
EPS		935

	YTD	1T	3T	6T
DBT	21.9%	17.1%	18.5%	21.9%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	925	856	8.1%
Tài sản ngắn hạn	677	689	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	12.0	20.6	-41.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	63.3	61.1	3.7%
Phải thu ngắn hạn	245	248	-1.2%
Hàng tồn kho	353	356	-0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.33	3.08	7.9%
Tài sản dài hạn	249	167	49.2%
Phải thu dài hạn	5.96	3.08	93.5%
Tài sản cố định	128	66.3	93.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.77	7.76	-90.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	39.8	-100%
Tài sản dài hạn khác	69.9	48.9	42.8%
Lợi thế thương mại	43.7	0.90	4739%
Nợ phải trả	648	608	6.5%
Nợ ngắn hạn	612	596	2.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	508	465	9.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	67.3	83.8	-19.6%
Nợ dài hạn	35.9	11.4	216%
Vay và nợ thuê dài hạn	35.8	11.3	217%
Nguồn vốn chủ sở hữu	278	248	12.1%
Vốn chủ sở hữu	278	248	12.1%
Vốn điều lệ	163	163	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	203	189	246	185	224
Giá vốn hàng bán	127	116	151	108	139
Lợi nhuận gộp	75.9	73.2	95.4	77.4	85.3
Doanh thu HĐTC	0.48	2.22	1.19	4.69	-0.30
Chi phí TC	18.9	10.7	10.7	10.2	10.6
Chi phí lãi vay	9.80	9.75	10.7	9.92	10.2
LN trong công ty LKLD	1.87	-0.55	-1.36	0	0
Chi phí bán hàng	47.5	49.5	61.0	49.8	59.9
Chi phí QLDN	12.0	12.2	15.4	15.9	13.1
LN thuần từ HĐKD	-0.33	2.60	8.20	6.13	1.41
Lợi nhuận khác	1.08	-0.95	0.18	2.39	1.93
LN trước thuế	0.75	1.65	8.39	8.51	3.34
Lợi nhuận sau thuế	-1.10	0.62	7.16	6.11	1.39
LNST của CĐ cty mẹ	-1.14	0.71	6.24	7.40	0.93

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.4	-26.1	25.1	-56.9	-9.13
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-26.1	-15.8	-18.2	8.24	-0.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.59	41.7	4.30	46.3	3.42
Tiền đầu kỳ	10.8	9.52	9.38	20.6	18.3
Lưu chuyển tiền thuần	-1.23	-0.17	11.3	-2.31	-6.33
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.02	0.01	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	9.52	9.38	20.6	18.3	12.0

(Nguồn: fireant.vn)